

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 15 - 19/07/2024

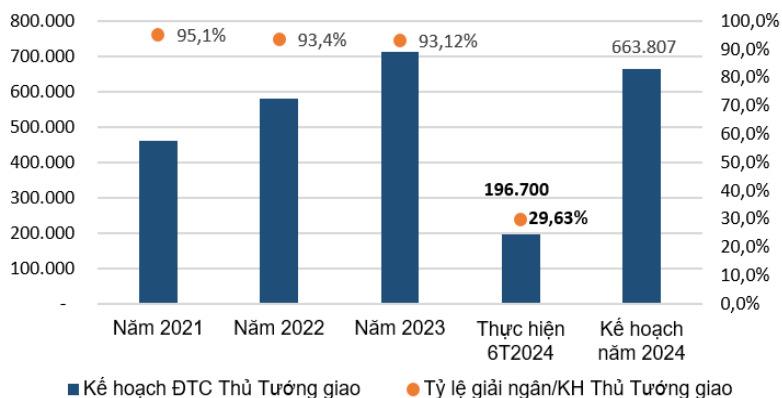


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

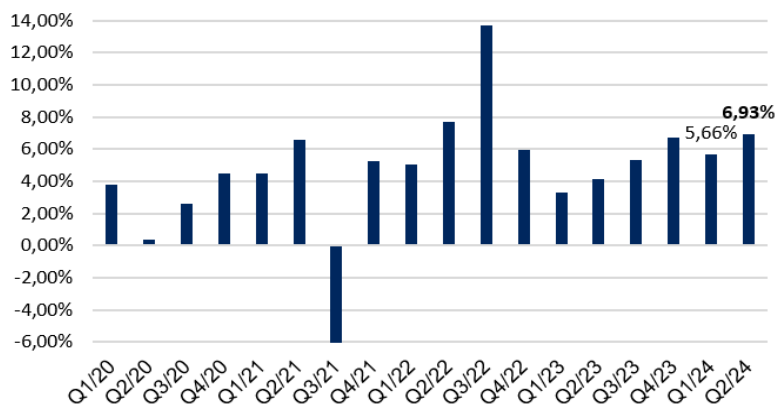


Việt Nam: Thủ tướng đôn đốc giải ngân vốn ĐTC, Bộ KH&ĐT kiến nghị 2 kịch bản tăng trưởng GDP

Kế hoạch giải ngân ĐTC Thủ Tướng giao các năm qua



Tăng trưởng GDP của VN

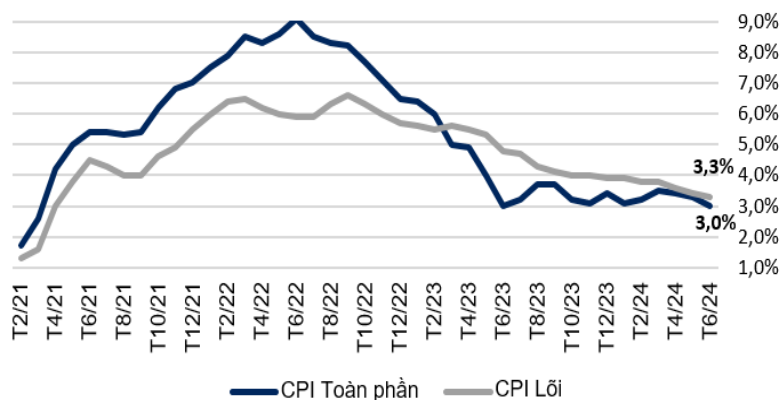


www.vndirect.com.vn

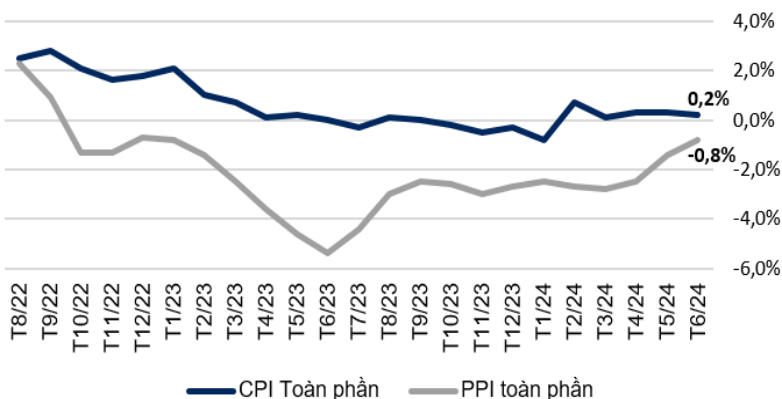
- Thủ Tướng ra công văn yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện quyết liệt các giải pháp để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.
- Bộ KH&ĐT kiến nghị 2 kịch bản tăng trưởng GDP cả năm 2024 là 6,5% và 7%.
- Tại Công văn số 4808 ban hành ngày 9/7/2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao khẩn trương tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp kịp thời, phù hợp, hiệu quả để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đã được giao cho năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu của Bộ Tài Chính, giải ngân ĐTC trong 6T2024 vẫn ở mức thấp, ước giải ngân ĐTC đến ngày 30/06/2024 là khoảng 196,7 nghìn tỷ đồng, mới chỉ đạt 27,51% kế hoạch và 29,63% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.
- Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6, Bộ KH&ĐT đã kiến nghị 2 kịch bản tăng trưởng năm 2024. Kịch bản 1, Bộ KH&ĐT kiến nghị tăng trưởng cả năm đạt 6,5% (cận trên của mục tiêu Quốc hội), tương ứng tăng trưởng Q3/24 cần đạt 6,5%, Q4/24 cần đạt 6,6%. Kịch bản 2, tăng trưởng cả năm đạt 7%, tương ứng tăng trưởng Q3/24 cần đạt 7,4%, Q4/24 cần đạt 7,6%. Bộ KH&ĐT kiến nghị lựa chọn 2 kịch bản tăng trưởng như trên và phân đấu đạt mức tăng theo kịch bản 2. Theo bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng, kiến nghị của Bộ KH&ĐT dựa vào 6 yếu tố. Đầu tiên là xu hướng tăng trưởng tích cực từ các khu vực kinh tế. Thứ hai do đầu tư tư nhân và doanh nghiệp Nhà nước phục hồi nhanh hơn, đầu tư FDI duy trì được đà tăng trưởng tích cực. Thứ ba là duy trì và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng xuất khẩu. Thứ tư là du lịch và tiêu dùng tăng trưởng nhanh hơn. Thứ năm là các chính sách, quy định pháp luật mới chuẩn bị ban hành và có hiệu lực. Cuối cùng là sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ và Thủ tướng; cùng với nỗ lực, quyết tâm của các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là các địa phương đầu tàu kinh tế như Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM, Bình Dương...

Thế Giới: CPI của Mỹ tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 6, áp lực giảm phát của Trung Quốc vẫn lớn

Chỉ số CPI của Mỹ



Chỉ số CPI và PPI của Trung Quốc



www.vndirect.com.vn

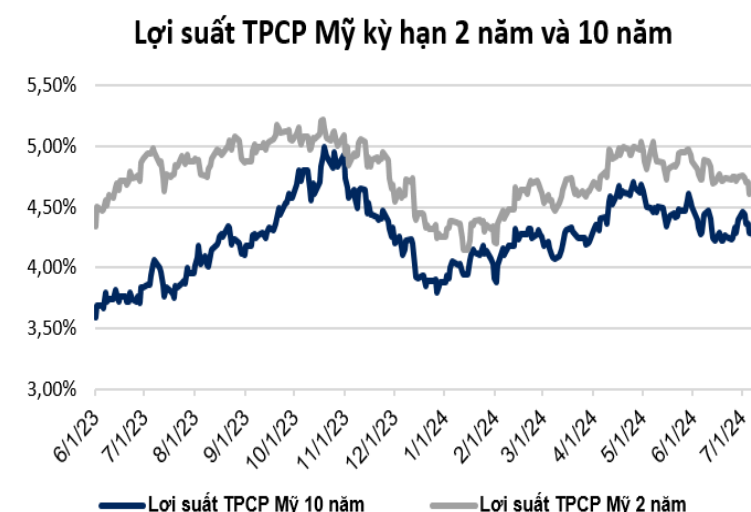
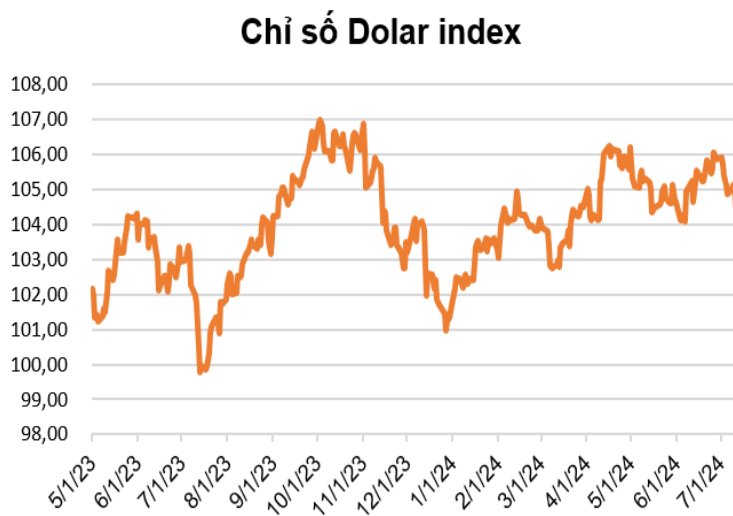
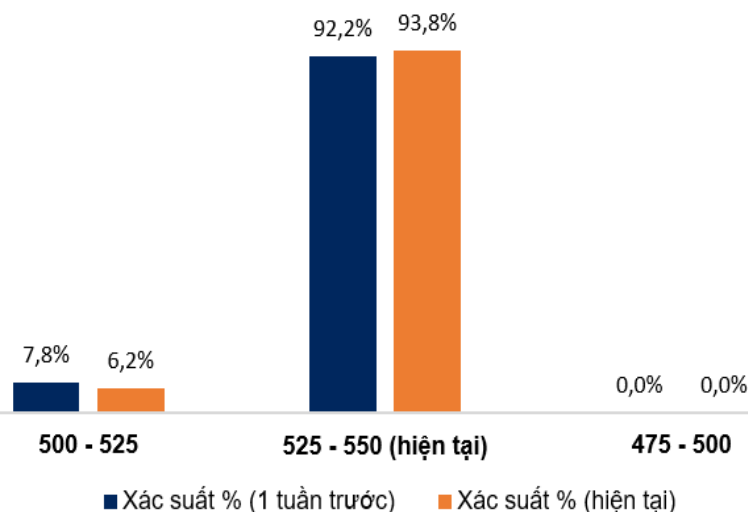
- CPI toàn phần và CPI lõi T6/24 của Mỹ tăng lần lượt 3,0% yoy và 3,3% yoy, cùng hạ nhiệt so với mức tăng 3,3% yoy và 3,4% yoy của T5/24.
- Nền kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với áp lực giảm phát khi CPI toàn phần T6/24 giảm 0,2% mom và chỉ tăng 0,2% yoy.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T6/24 của Mỹ giảm 0,1% mom và tăng 3,0% yoy, mức tăng này thấp hơn mức dự báo tăng 0,1% mom và tăng 3,1% yoy của các chuyên gia, và hạ nhiệt so với mức tăng 3,3% yoy của T5/24. CPI lõi T6/24 cũng hạ nhiệt với mức tăng 0,1% mom và tăng 3,3% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,4% yoy của T5/24. Các nhóm hàng hóa tăng trong T6/24 bao gồm nhóm thực phẩm (+0,2% mom), nhóm nhà ở (+0,2% mom). Ở chiều ngược lại nhóm năng lượng giảm 2% mom, xe ô tô đã qua sử dụng và xe mới giảm lần lượt 1,5% mom và 0,2% mom. Trong khi chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ vẫn nhích tăng trong T6/24 khi PPI toàn phần tăng 0,2% mom và tăng 2,6% yoy cao hơn so với mức tăng 2,4% yoy của T5/24, PPI lõi tăng 0,4% mom và tăng 3,0% yoy cao hơn so với mức tăng 2,6% yoy của T5/24.
- Theo số liệu của cục thống kê Trung Quốc, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T6/24 của nước này giảm 0,2% mom và tăng 0,2% svck, mức này thấp hơn so với mức dự báo giảm 0,1% mom và tăng 0,4% yoy của các chuyên gia. Trong khi chỉ số giá sản xuất (PPI) trong T6/24 của nước này vẫn tiếp tục tăng trưởng âm với mức giảm 0,8% yoy, mức này khớp với dự báo của các chuyên gia và cải thiện so với mức âm 1,4% yoy của T5/24. Các số liệu này cho thấy nền kinh tế TQ vẫn còn đối mặt với áp lực giảm phát.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed vẫn giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T7/2024

93,8% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất, 6,2% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 7.2024.

DXY đóng cửa ở mức 104,08 điểm, giảm 0,76% so với tuần trước (wow) và tăng 2,71% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,456% giảm 14,8 bps wow và tăng 20,6 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,186% giảm 10 bps wow và tăng 30,7 bps ytd



Sau khi số liệu CPI tháng 6 của Mỹ được công bố với sự tiến triển vượt dự báo đã mang đến thêm kỳ vọng cho các nhà đầu tư rằng Fed có thể sớm hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế, theo đó cũng hỗ trợ cho sự tiếp tục điều chỉnh của cả chỉ số Dolar index và lãi suất TPCP Mỹ trong tuần qua.

Dự báo của thị trường về quyết định lãi suất trong kỳ họp tháng 7 của Fed đang nghiêng về kịch bản Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp này (cuộc họp tháng 7 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 31/07/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 16/07/2024	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 6.2024
Thứ Năm 18/07/2024	EU	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 7.2024
	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng đồng phái sinh tháng 7.2024

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
<p>Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. ▪ Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
<p>Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. ▪ Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. ▪ Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. ▪ Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

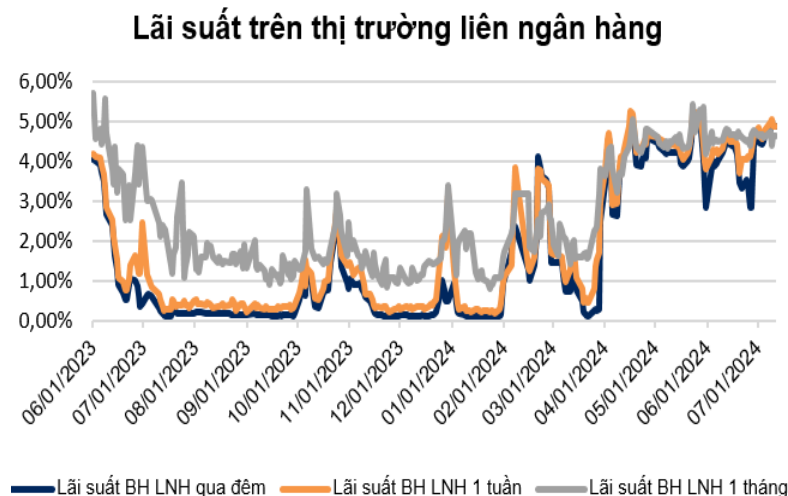
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

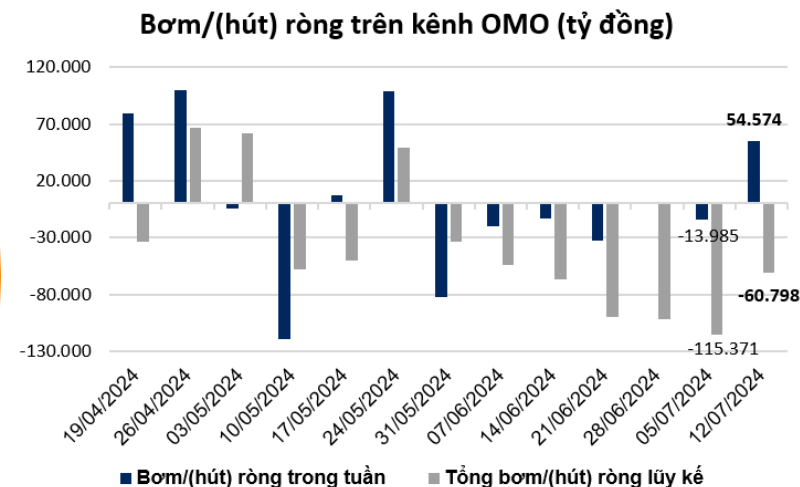


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng

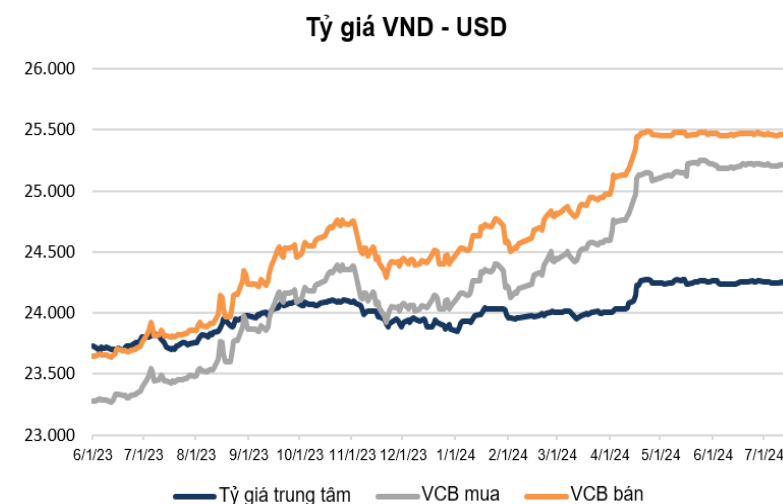
Lãi suất LNH tiếp tục tăng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,87% (+37 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,89% (+23 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,63% (+3 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 10/07/2024)



Trong tuần qua NHNN bơm ròng trở lại trên kênh OMO, tổng giá bơm ròng trong tuần là 54.573 tỷ đồng. Tổng giá trị hút ròng lũy kế hiện còn 60.798 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tăng nhẹ. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.210 đ và 25.460 đ tăng 0,01% wow và tăng 4,26% ytd. Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 24.248 đ, tăng 0,01% wow và tăng 1,60% ytd.

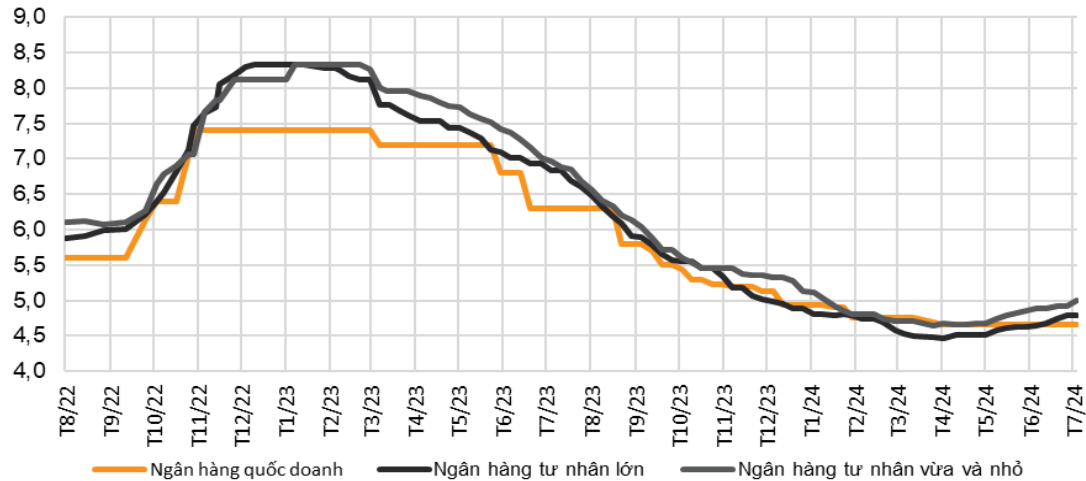


Lợi suất TP KBNN tăng nhẹ trở lại, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,79%, tăng 1 bps wow và tăng 55 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,98% không đổi so với tuần trước và tăng 45 bps ytd.



Lãi suất kỳ hạn 12 tháng của nhóm ngân hàng tư nhân tiếp tục đà tăng

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng

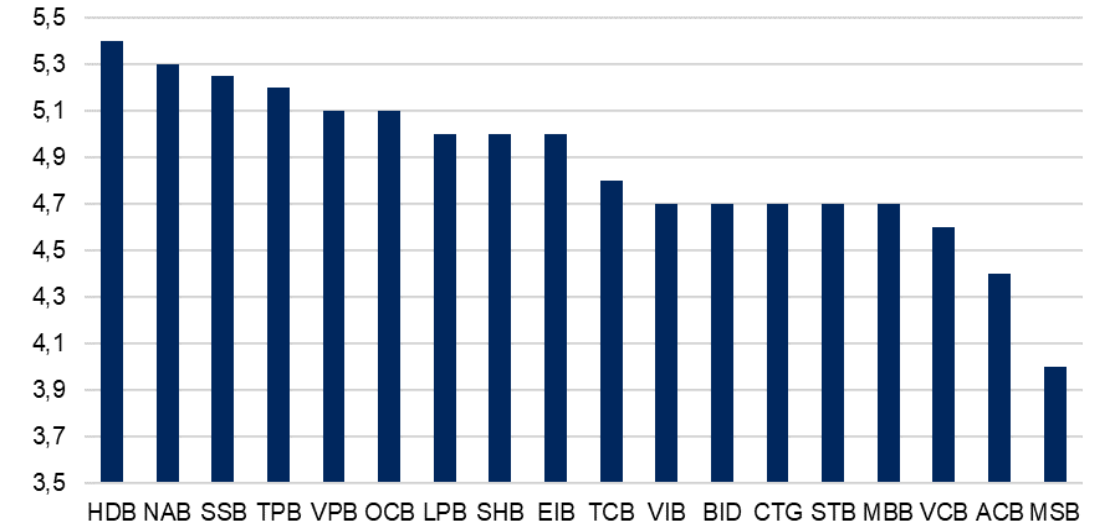


Ngân hàng quốc doanh bao gồm: VCB, BID, CTG

Ngân hàng tư nhân lớn bao gồm: TCB, VPB, MBB, STB, ACB, SHB

Ngân hàng tư nhân vừa và nhỏ bao gồm: LPB, SSB, NAB, EIB, HDB, TPB, VIB, MSB, OCB

Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

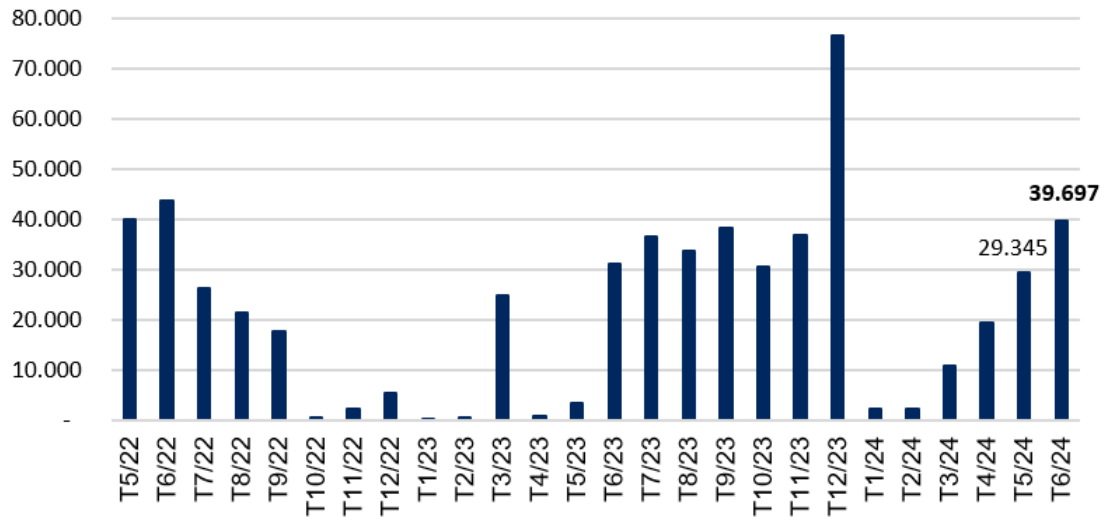


- Trong tuần từ 05/07 – 12/07/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh và NH tư nhân vừa & nhỏ giữ nguyên ở mức lần lượt 4,67%/ 4,99% trong khi của nhóm NH tư nhân lớn tăng 0,02 điểm % lên 4,78%.
- NH tăng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trong tuần qua là MBB (+0,1 điểm % lên 4,8%). NH có mức lãi suất huy động 12 tháng cao nhất là HDB (5,4%), NH có mức lãi suất huy động 12 tháng thấp nhất là MSB (4,0%).

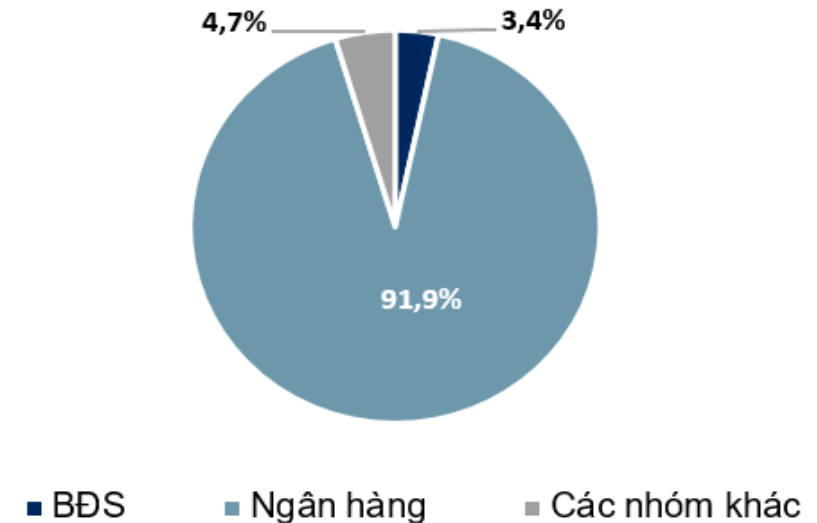
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục ấm lên trong tháng 6 nhờ sự gia tăng phát hành của nhóm ngân hàng

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T6/24 - số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24

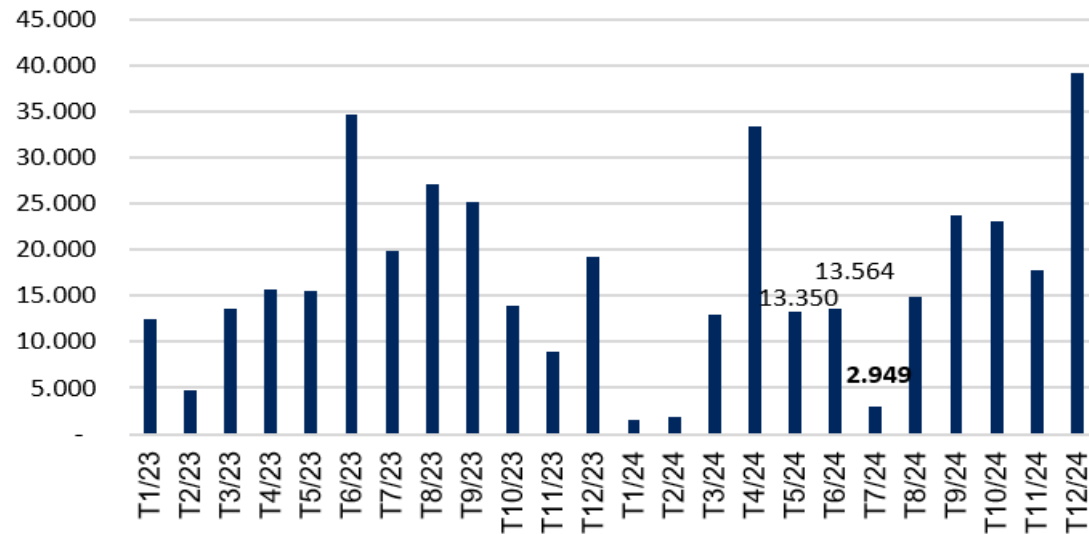


- Theo số liệu được công bố đến ngày 27/06/24, trong T6/24 có 29 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt 39.697 tỷ đồng, tăng 35,3% so với tháng trước và tăng 28,1% svck. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 103 nghìn tỷ đồng, tăng 70,6% svck.
- Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T6/24 tiếp tục ấm lên nhờ sự gia tăng phát hành trở lại của nhóm Ngân hàng. Trong T6/24 có 21 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm Ngân hàng với tổng trị phát hành là 36.470 tỷ đồng, chiếm 91,9% tổng giá trị phát hành. Lũy kế 6 tháng đầu năm tổng giá trị phát hành của nhóm Ngân hàng đạt 67.596 tỷ đồng, chiếm 65,4% tổng giá trị phát hành.

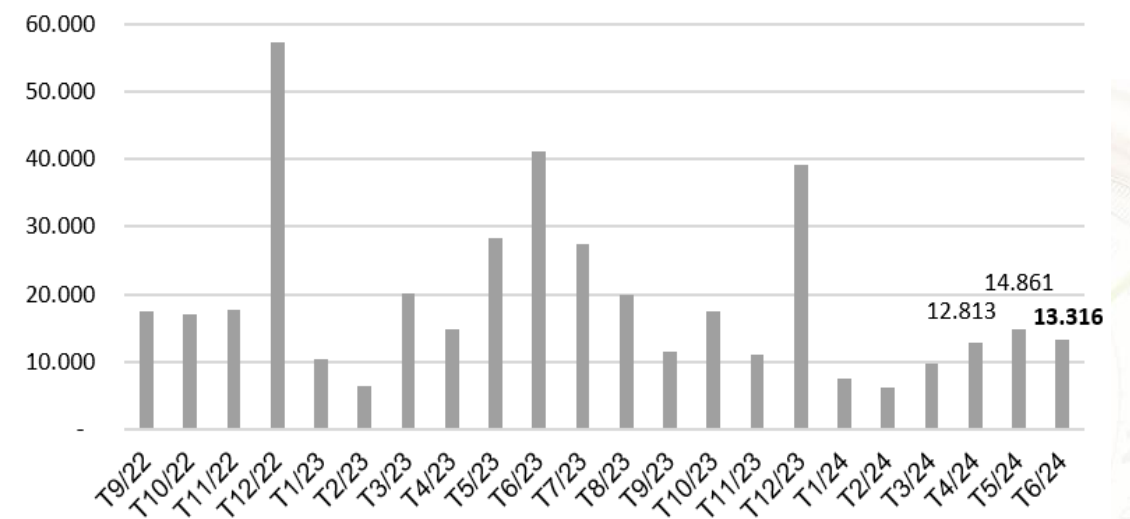
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực đáo hạn sẽ hạ nhiệt trong T7/24 và tăng trở lại vào các tháng cuối năm, hoạt động mua lại TPDN riêng lẻ trước hạn vẫn chững lại trong T6/24

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/06/2024



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24



- Theo số liệu của chúng tôi trong T7/24 sẽ có khoảng gần 3 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, áp lực đáo hạn giảm mạnh trong T7/24 và sẽ tăng trở lại trong các tháng cuối năm.
- Hoạt động mua lại TPDN riêng lẻ trước hạn trong T6/24 vẫn chững lại với tổng giá trị TPDN được mua lại đạt khoảng 13.316 tỷ đồng, giảm 10,4% so với tháng trước và giảm 67,6% svck.

2.3 Thị trường Bất động sản

Chính phủ ban hành Nghị định mới về giá đất

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định về giá đất:

Nghị định nêu rõ về các phương pháp định giá đất; trình tự, nội dung xác định giá đất; các yếu tố tác động đến giá đất...

Nghị định 71/2024/NĐ-CP cũng quy định cụ thể trình tự, nội dung xác định giá đất theo 4 phương pháp gồm: 1) phương pháp so sánh; 2) phương pháp thu nhập; 3) phương pháp thặng dư, 4) phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

Trường hợp không ước tính được đầy đủ doanh thu phát triển của thửa đất, khu đất hoặc chi phí phát triển ước tính lớn hơn doanh thu phát triển ước tính đối với diện tích cần định giá đất thì việc xác định doanh thu phát triển ước tính, chi phí phát triển ước tính được thực hiện cho toàn bộ dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra nghị định cũng quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất:

Đối với đất phi nông nghiệp: Vị trí, địa điểm của thửa đất, khu đất; Điều kiện về giao thông; Điều kiện về cấp thoát nước, cấp điện; Diện tích, kích thước, hình thể của thửa đất, khu đất; Các yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng; Hiện trạng môi trường, an ninh; Thời hạn sử dụng đất; Các yếu tố khác ...

Đối với đất nông nghiệp: Năng suất cây trồng, vật nuôi; Vị trí; Điều kiện giao thông; Thời hạn sử dụng đất; Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với thực tế...

Đồng thời nghị định cũng cho thấy sự cải thiện trong thủ tục xử lý khi nghị định quy định các cơ quan, đơn vị liên quan phải có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác định giá đất bằng văn bản hoặc phương thức điện tử trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của tổ chức thực hiện định giá đất.

2.3 Thị trường Bất động sản

Giá rao bán chung cư Hà Nội đã ngang TP HCM

Theo thống kê của kênh Bongdongsan.com, trong tháng 5, giá rao bán chung cư Hà Nội đạt trung bình 50 triệu đồng/m², ngang TP HCM :

Báo cáo từ trang Batdongsan.com cho biết chung cư Hà Nội là phân khúc sôi động nhất trên thị trường địa ốc nửa đầu năm 2024. Theo đó, nhu cầu tìm kiếm loại hình này đạt đỉnh vào tháng 3, tăng gần 60% so với cuối năm ngoái. Hiện tại, mức quan tâm của người dùng với chung cư đã hạ nhiệt nhưng giá bán vẫn chưa có dấu hiệu giảm, tuy nhiên không còn tăng nóng như giai đoạn đầu năm.

Hiện tại tính đến cuối Q2/24 giá bán trung bình căn hộ tại khu vực Hà Nội và TP.HCM đang giao dịch quanh ngưỡng 50 triệu đồng/m². Trong khi đầu năm 2018, giá bán căn hộ Hà Nội và TP HCM lần lượt là 27 và 31 triệu đồng/m².

Nguyên nhân thị trường căn hộ Hà Nội mới bước vào chu kỳ tăng đột biến bởi dự án mới ngày càng khan hiếm. Tổng nguồn cung mở bán trong năm 2023 đạt gần 10.300 căn, mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Theo dữ liệu từ CBRE, trong năm 2023, giá bán chung cư mới tại Hà Nội tăng gần 15% theo năm, đạt 53 triệu đồng mỗi m². Đây là mức bằng với nền giá trung bình tại TP HCM giai đoạn 2020-2021. Trong khi đó giá sơ cấp tại TP HCM đã chững lại ở mức hơn 60 triệu đồng mỗi m², giảm gần 2% so với năm 2022.

Thực tế, khoảng cách giữa giá chung cư Hà Nội và TP HCM trước đây khá lớn bởi thị trường TP HCM phát triển sớm hơn, thường đi trước 2-3 năm.

2.3 Thị trường Bất động sản

Hà Nội đã xử lý 705 dự án chậm tiến độ sử dụng đất

Trong số 712 dự án chậm triển khai, 705 dự án đã được UBND TP. Hà Nội kết luận thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và chỉ đạo xử lý:

Theo báo cáo UBND TP. Hà Nội gửi HĐND Thành phố về kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 về biện pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư, tập trung xử lý các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tính đến hết ngày 15/6/2024, 705 trên tổng số 712 dự án đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và chỉ đạo xử lý, giao các đơn vị tiếp tục giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đưa đất vào sử dụng.

UBND Thành phố cho biết, trong số 135 dự án chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, có 134 dự án đã được đưa ra khỏi danh sách các dự án chậm triển khai, tiếp tục giám sát theo quy định của pháp luật.

- Về kết quả xử lý 404 dự án đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, có 196 dự án đã được đưa ra khỏi danh sách hoặc đã chỉ đạo xử lý, tiếp tục giám sát thực hiện theo quy định của pháp luật. 208 dự án còn lại đã có chỉ đạo thực hiện, tiếp tục giám sát, đôn đốc và tổ chức hậu kiểm sau thời gian gia hạn 24 tháng do Covid-19.

- Về kết quả xử lý đối với 173 dự án do UBND các quận, huyện, thị xã đề xuất mới, tiếp tục kiến nghị xử lý, có 80 dự án đã được đưa ra khỏi danh sách hoặc đã chỉ đạo xử lý, tiếp tục giám sát thực hiện theo quy định của pháp luật. 93 dự án còn lại đã có chỉ đạo thực hiện, tiếp tục giám sát, đôn đốc và tổ chức hậu kiểm sau thời gian gia hạn 24 tháng do Covid-19.

3.3 Thị trường hàng hóa

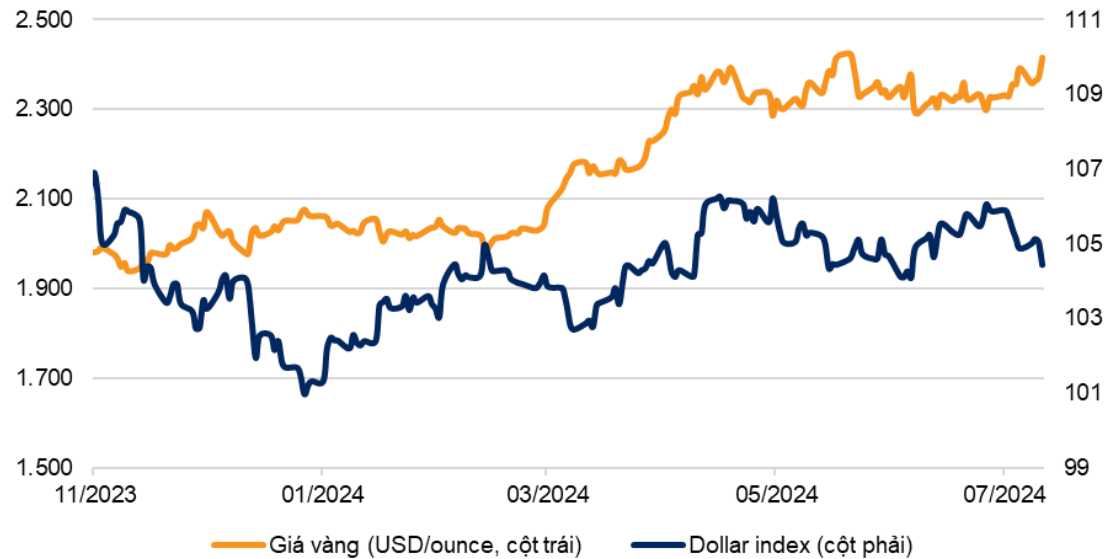
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 11/07/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-2,32%	4,25%	7,56%	12,53%	
	Khí LNG	-10,69%	-4,86%	-4,86%	-0,75%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-2,01%	1,90%	2,10%	4,70%	
	Quặng sắt	-4,22%	3,35%	0,67%	-23,88%	
	Đồng	-0,72%	-0,03%	20,11%	16,18%	
	Niken	-2,69%	-5,92%	-19,42%	0,91%	
	PVC	-3,40%	-5,03%	-0,17%	4,35%	
	Cao su	-3,59%	-6,31%	63,51%	34,70%	
	Gỗ	-2,31%	-10,19%	-20,75%	-18,94%	
Nông nghiệp	Urê	1,47%	2,22%	6,15%	7,81%	
	Lúa Mỹ	-0,05%	-11,53%	-14,67%	-8,65%	
	Gạo tằm 5%	-1,44%	-1,93%	11,85%	-11,77%	
	Đường	-5,36%	3,41%	-17,42%	-7,03%	
	Thịt lợn	-0,91%	-4,12%	6,02%	31,19%	
Kim loại quý	Vàng thỏi	2,49%	4,25%	25,01%	17,32%	

3.3 Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới tăng về gần đỉnh cũ khi thời điểm FED thực hiện cắt giảm lãi suất càng đến gần

Tính đến ngày 11/07, giá vàng thế giới đạt 2.415 USD/oz, tăng 2,5% sv tuần trước và 4,3% sv tháng trước



Khoảng cách giữa giá vàng thế giới và giá vàng SJC Việt Nam đã thu hẹp đáng kể

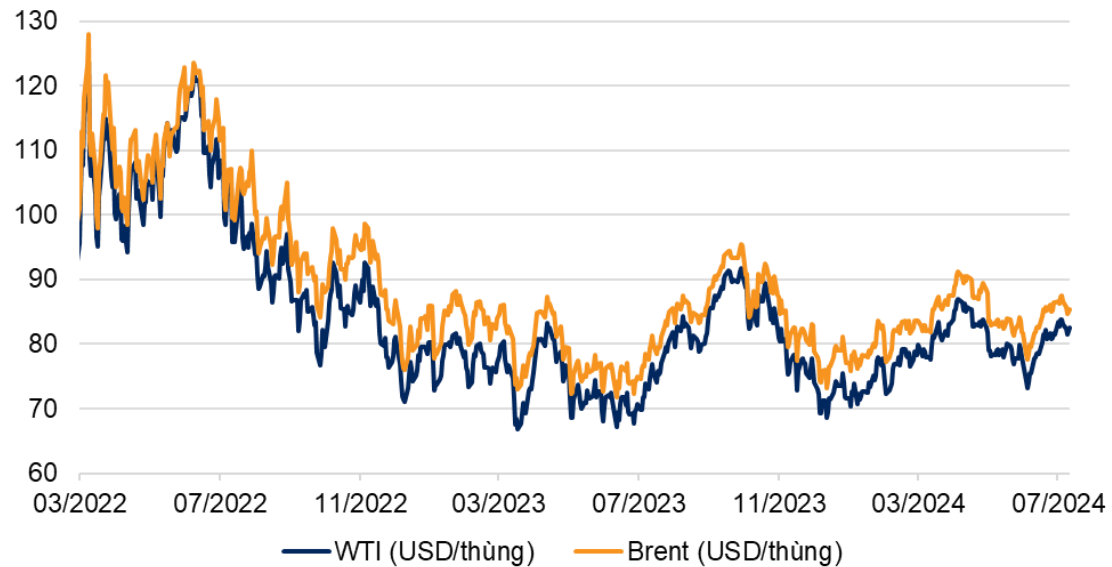


- Giá vàng thời thế giới đã tăng mạnh trở lại lên trên mức 2.400 USD/oz, tiến gần về vùng đỉnh lịch sử cũ tại 2.426 USD/oz được xác lập vào cuối tháng 5. CPI tháng 6 của Mỹ ghi nhận tiến triển tích cực, mặc dù cũng trong tuần qua, Mỹ công bố PPI trong tháng 6 đã tăng 2,6% svck, cao hơn mức dự kiến (2,3%), nhưng điều này không ảnh hưởng đáng kể đến kỳ vọng FED cắt giảm lãi suất, do chủ tịch Powell đã tuyên bố trong phiên điều trần ngày 10/7 rằng FED sẽ hạ lãi suất mà không cần lạm phát về mốc mục tiêu 2%.
- Trong nước, giá vàng SJC giữ nguyên ở mức 74,98 triệu đồng/lượng chiều mua và 76,98 triệu đồng/lượng chiều bán. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 11/07 chỉ còn 2,9 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND =25.423).

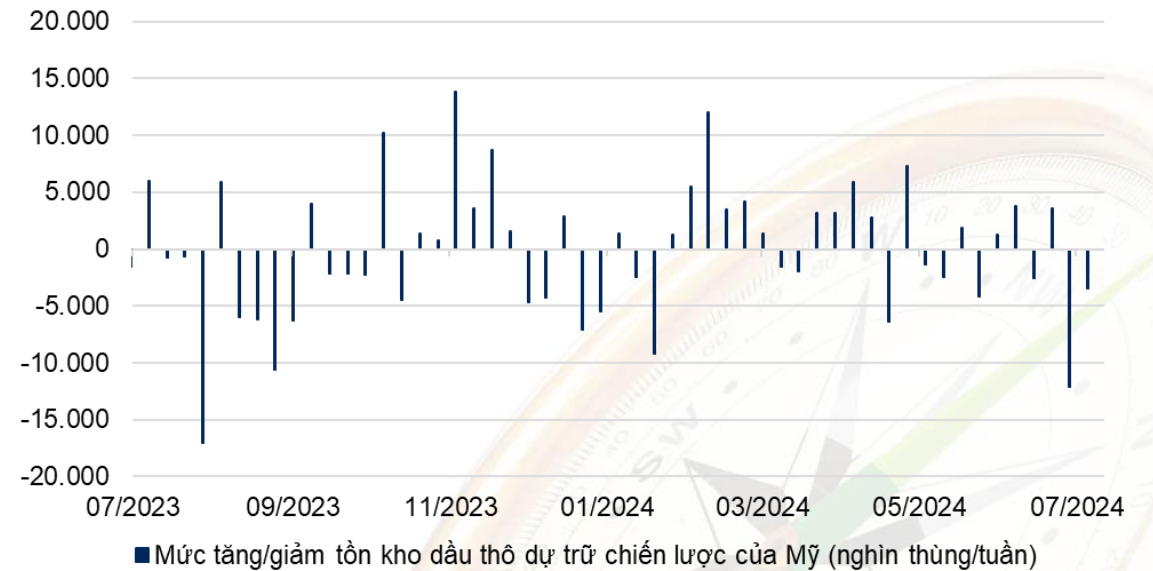
3.3 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô thế giới điều chỉnh sau một tháng tăng tích cực

Đến hết ngày 11/07, giá dầu WTI và Brent lần lượt giảm 1,5%/2,3% sv tuần trước, đạt 82,6 và 85,4 USD/thùng



Kho dự trữ chiến lược của Mỹ giảm ròng 3,4 triệu thùng trong tuần đầu tháng 7



- Giá hai loại dầu thô giảm xuống mức thấp nhất tuần tại 81,4 USD/thùng (WTI) và 84,7 USD/thùng (Brent), tuy nhiên sau đó đã quay đầu tăng trong các phiên tiếp theo của tuần, sau khi Mỹ công bố các dữ liệu kinh tế và FED đề ngỏ về khả năng sớm cắt giảm lãi suất. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ dầu tại thị trường Mỹ cũng cho thấy dấu hiệu mạnh lên khi kho dự trữ chiến lược tiếp tục thâm hụt 3,4 triệu thùng dầu trong tuần đầu tháng 7 sau khi giảm mạnh 12,2 triệu thùng trong tuần trước đó.
- Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng địa chính trị chưa đi đến hồi kết tại khu vực Trung Đông cũng tiếp tục là yếu tố rủi ro tiềm ẩn cho nguồn cung, khiến giá dầu sẽ tiếp tục neo ở mức cao.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	1,59%	3,66%	6,13%	15,91%
S&P 500	Mỹ	0,87%	3,38%	17,73%	24,64%
Nasdaq	Mỹ	0,24%	4,00%	22,55%	30,35%
Euro Stoxx 50	EU	1,31%	4,25%	11,57%	14,65%
FTSE 100	Anh	0,60%	1,30%	6,72%	11,01%
Nikkei 225	Nhật Bản	0,79%	6,24%	23,23%	27,31%
Shanghai	Trung Quốc	0,72%	-2,02%	-0,12%	-8,23%
Hang Seng	Trung Quốc	2,77%	1,96%	7,31%	-5,77%
Taiwan Weighted	Đài Loan	1,53%	6,28%	33,38%	38,38%
SET	Thái Lan	1,53%	1,95%	-5,92%	-12,25%
KOSPI	Hàn Quốc	-0,20%	3,56%	7,58%	8,69%
Malaysia Top 100	Malaysia	0,81%	1,36%	15,50%	19,74%
STI Index	Singapore	2,62%	6,15%	8,03%	7,75%
IDX Composite	Indonesia	0,82%	8,59%	0,55%	6,46%
PHS All Shares	Philippine	1,92%	3,73%	4,43%	1,72%
VN-Index	Việt Nam	-0,18%	0,07%	13,35%	9,62%

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục có 1 tuần giao dịch bùng nổ khi chỉ số tiếp tục ghi nhận các mức cao kỷ lục mới. Trong đó chỉ số Dow Jones lần đầu tiên vượt mốc 40 nghìn điểm kể từ cuối T5/24 và kết tuần ghi nhận mức tăng 1,59%. Trong khi chỉ số Nasdaq và S&P 500 tiếp tục thiết lập thêm các mức cao kỷ lục mới trong tuần qua và kết tuần đều ghi nhận mức tăng.

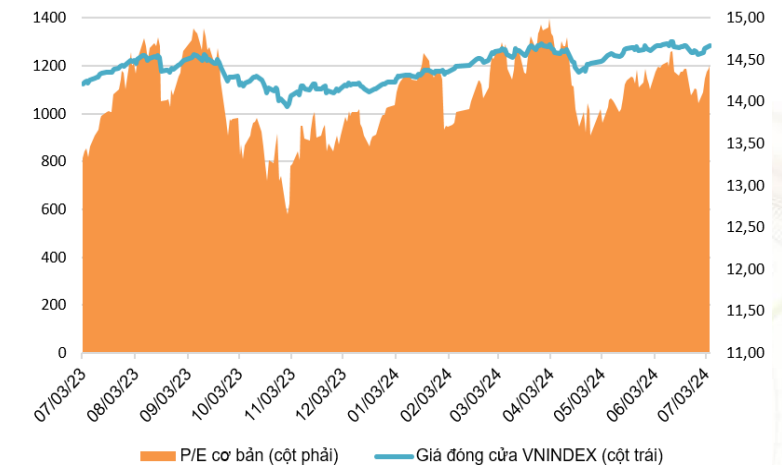
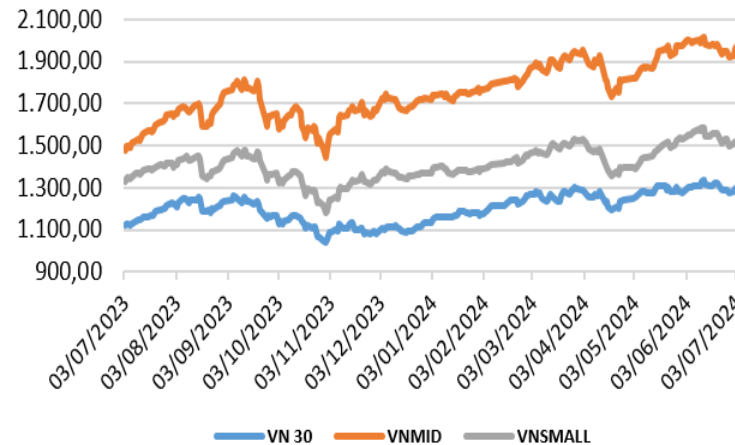
Các thông tin tích cực về diễn biến lạm phát trong tháng 6 của Mỹ cùng với diễn biến tích cực của thị trường Mỹ đã lan tỏa tới nhiều thị trường chứng khoán Châu Âu và Châu Á giúp nhiều thị trường ghi nhận mức tăng tích cực trong tuần qua. Như các thị trường Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Philippine đều ghi nhận mức tăng trên 1% trong tuần qua.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường điều chỉnh nhẹ với thanh khoản phục hồi

VN-Index giảm nhẹ, kết tuần tại mức 1.280,75 điểm, giảm 0,18% sv tuần trước

Chỉ số VN30 giảm 1,09%, trong khi VNMID/VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 0,12% và 1,38%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 14,4x.



- Với 3 phiên giảm điểm và 2 phiên tăng điểm, VN-Index có tuần điều chỉnh nhẹ. Kết tuần VN-index giảm 2,29 điểm (-0,18%) xuống 1.280,75 điểm. Thanh khoản giao dịch phục hồi tuy nhiên vẫn thấp hơn mức trung bình, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 614,2 triệu cp/phiên, tăng 31,9% so với tuần trước và thấp hơn 6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại vẫn duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE của khối ngoại là hơn 4.502 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán đã trở lại mua ròng, với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 544 tỷ đồng.
- Các mã GVR và PLX là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 2,95 điểm và 0,77 điểm. Ở chiều ngược lại FPT, TCB là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo giảm lần lượt 1,68 điểm và 1,17 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-0,9%	4,9%	70,1%	74,6	3,41	3,8%
Bảo hiểm	-0,8%	1,8%	32,0%	13,9	1,44	36,6%
Bất động sản	0,7%	0,6%	15,4%	16,6	1,31	28,7%
Công nghệ TT	-3,2%	3,1%	60,1%	29,4	5,23	-2,1%
Dầu khí	3,6%	7,4%	34,2%	13,7	1,48	40,2%
Dịch vụ tài chính	1,3%	-3,7%	25,0%	18,7	1,72	20,7%
Hóa chất	5,6%	10,4%	83,7%	26,8	2,26	77,8%
Ngân hàng	-0,8%	-0,1%	23,5%	9,6	1,53	17,0%
Tài nguyên cơ bản	0,0%	-0,3%	21,2%	28,7	1,48	45,3%
Thực phẩm & Đồ uống	-2,9%	-1,9%	39,3%	22,33	2,80	70,6%
Viễn thông	0,1%	1,8%	279,5%	97,3	9,32	-1,5%
Xây dựng & Vật liệu	1,0%	2,7%	30,9%	27,4	1,52	31,4%
VN-Index	-0,18%	0,47%	13,35%	14,40	1,78	31,9%

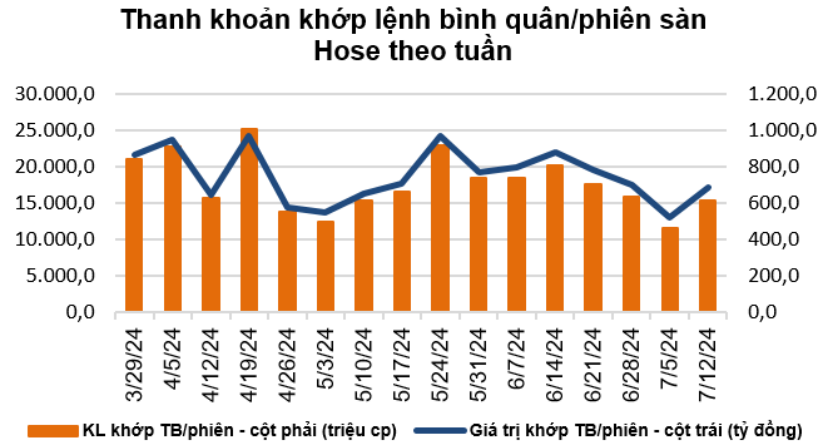
Tuần qua thị trường có diễn biến phân hóa với thanh khoản được cải thiện ở nhiều nhóm ngành.

Nhóm ngành Phân Bón và Hóa Chất có diễn biến tích cực với nhiều mã tăng điểm mạnh như DCM (+6,13%), LAS (+19,57%), BFC (+15,73%), CSV (+17,38%), DGC (+0,4%) ... Nhóm Dầu Khí cũng có diễn biến tích cực hơn thị trường chung với nhiều mã tăng như PVB (+6,99%), BSR (+4,82%), PLX (+5,35%), OIL (+2,13%)...

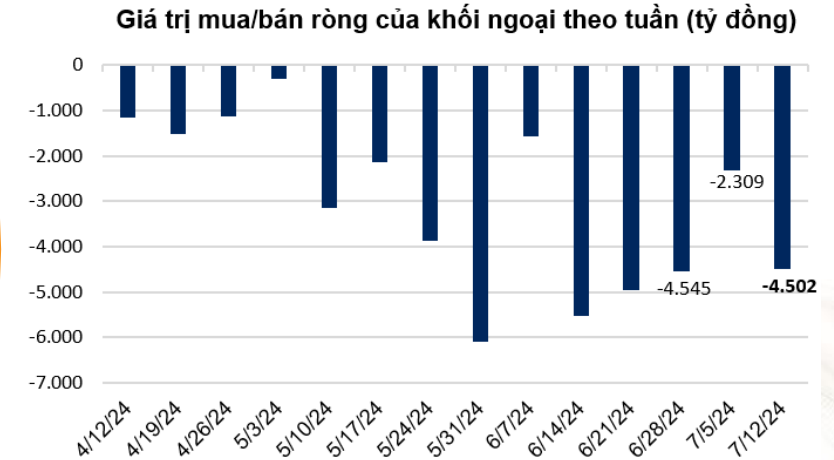
Ở chiều ngược lại nhóm Công Nghệ Thông Tin tiếp tục có tuần điều chỉnh sau một thời gian tăng điểm mạnh trước đó, nhiều cổ phiếu giảm như FPT (-3,53%), CMG (-0,62%), ICT (-8,61%), ITD (-4,1%) ... nhóm Thực Phẩm & Đồ uống cũng có diễn biến kém tích cực, nhiều mã giảm điểm như MSN (-2,48%), VNM (-1,34%), DBC (-3,55%), SAB (-3,45%), BHN (-2,17%) ...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản phục hồi và khối ngoại duy trì bán ròng

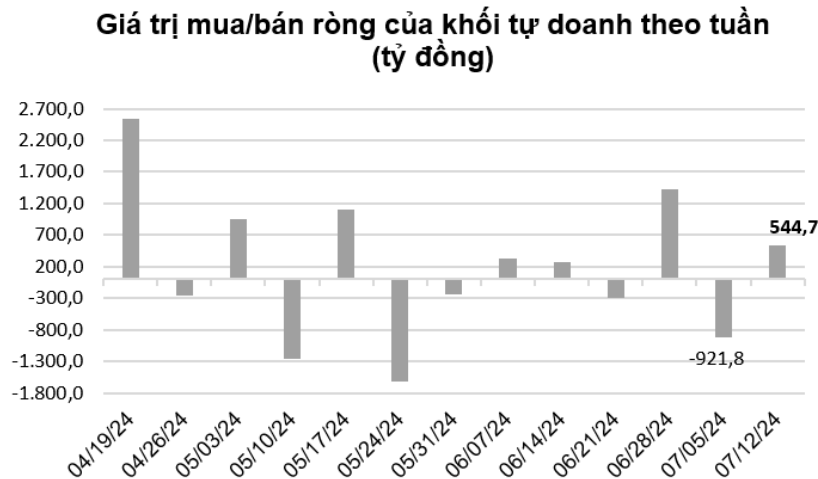
Thanh khoản phục hồi trở lại, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 614,2 triệu cp/phần, tăng 31,9% sv tuần trước và thấp hơn 6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



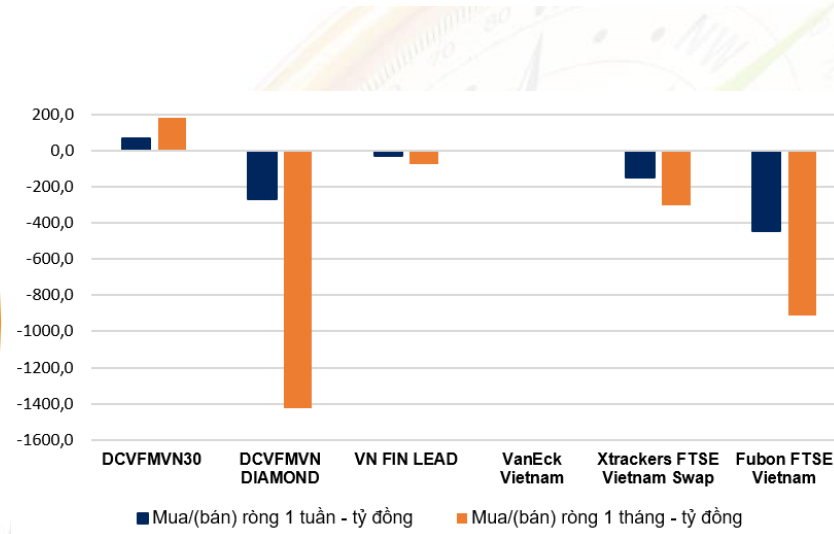
Khối ngoại duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là hơn 4.502 tỷ đồng.



Khối tự doanh trở lại mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần của khối tự doanh là hơn 544 tỷ đồng.

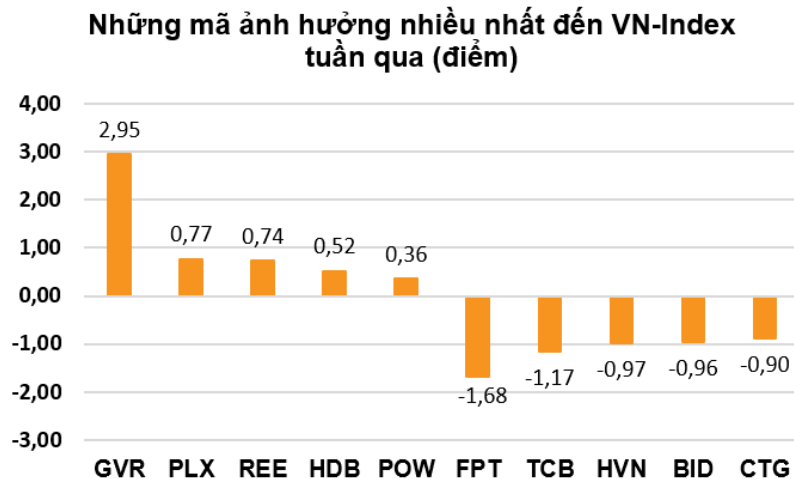


Tuần qua quỹ Fubon là quỹ ETF bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 445 tỷ đồng.

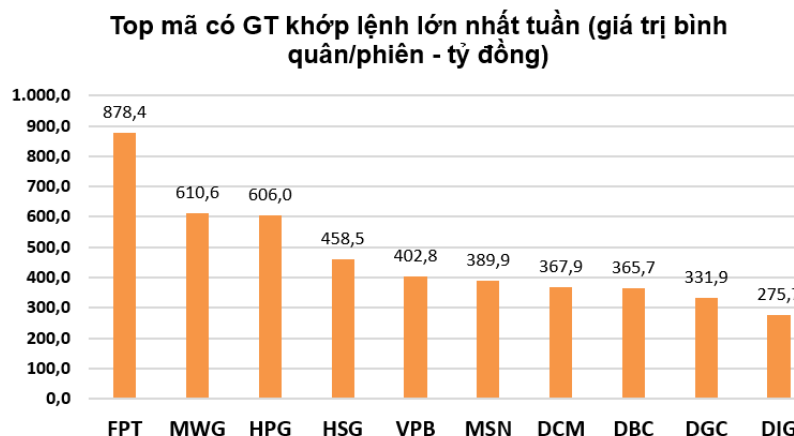


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản phục hồi và khối ngoại duy trì bán ròng

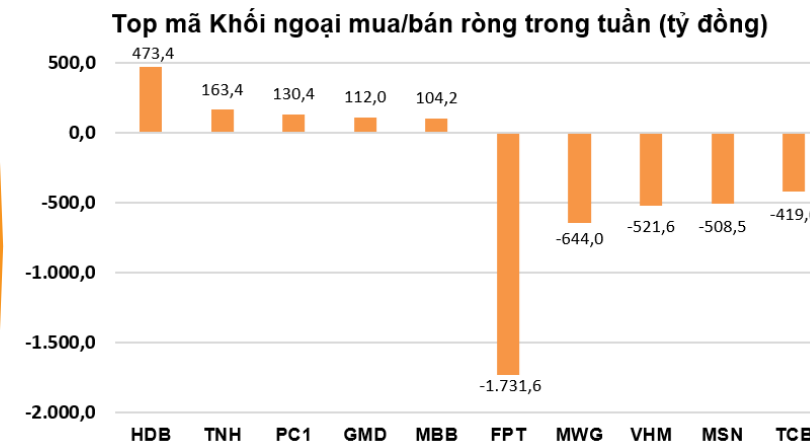
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



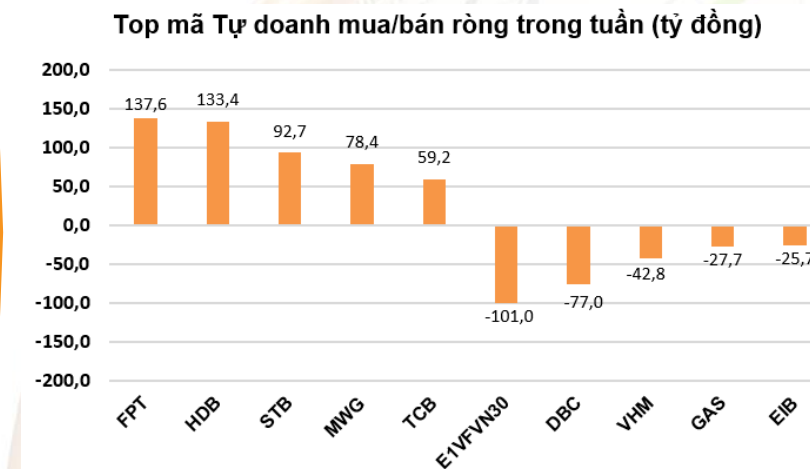
FPT là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình là hơn 878 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã MWG và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 610 tỷ đồng và hơn 606 tỷ đồng



Trong tuần từ 08 – 12/07 HDB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 473 tỷ đồng. Trong khi FPT là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 1.731 tỷ đồng.



Trong tuần 08 – 12/07 FPT là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 137 tỷ đồng, trong khi CCQ E1VFN30 là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 101 tỷ đồng.



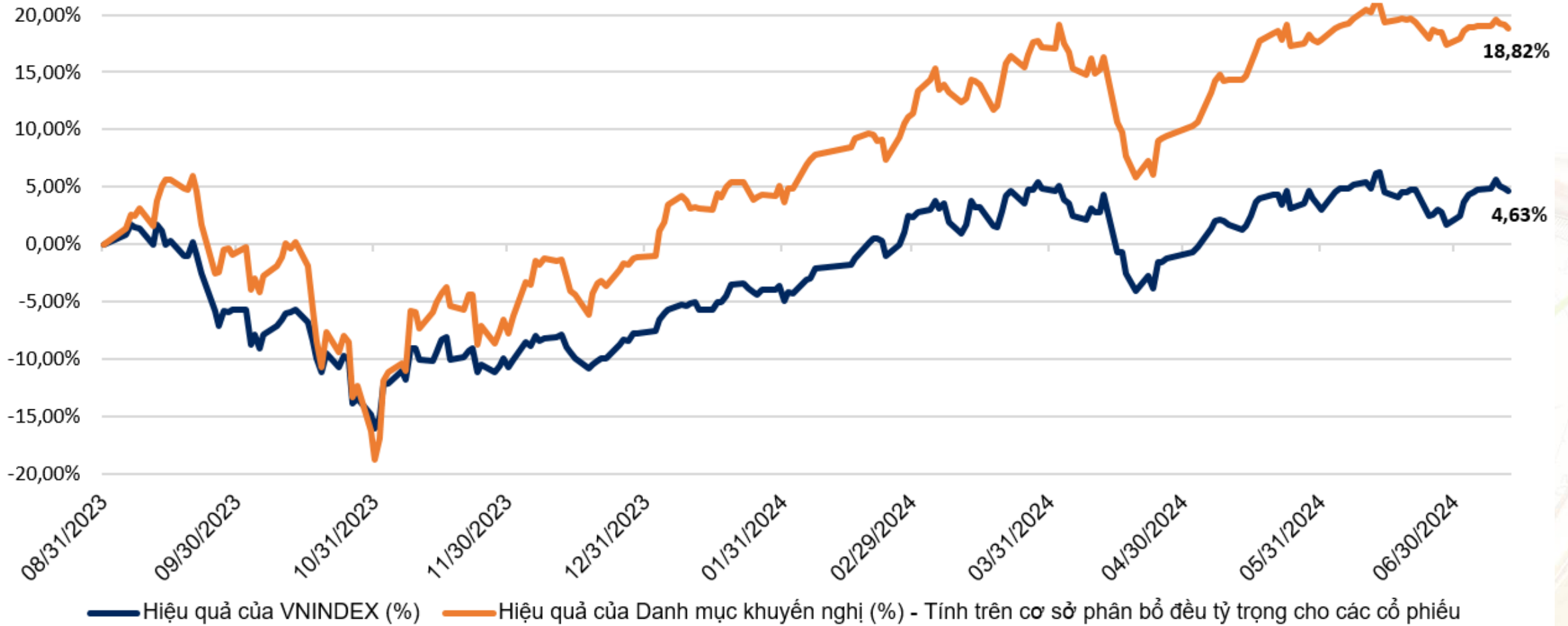
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Báo cáo khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	-0,5%	12,8%	31.700	11,2%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	0,4%	-2,0%	19.500	55,4%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	0,5%	0,5%	25.900	21,6%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Xu hướng tích cực của dòng vốn FDI	-1,4%	-3,1%	40.000	39,9%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	-1,3%	1,1%	82.600	24,6%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	0,0%	5,1%	65.100	31,8%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	Nhu cầu thép phục hồi	-0,2%	24,5%	32.000	28,5%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	-0,2%	0,2%	36.800	23,3%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	0,5%	-0,2%	90.200	7,4%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	-0,8%	2,6%	43.800	15,3%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	0,1%	-2,0%	66.400	72,5%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

